

TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

(Kèm theo Báo cáo số /BC-KTTL ngày tháng năm 2018 của Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông)

Ngày cập nhật: Ngày 14 tháng 9 năm 2018

| TT  | Công trình/ Khu tưới           | Địa điểm xây dựng (xã) | Cột nước hữu ích Hhd (m) | Dung tích toàn phần (10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup> ) | Hình thức tràn xả lũ | Mức nước (m)                                                              |                                             |            | Dung tích                                            |                                                  | Ghi chú   |
|-----|--------------------------------|------------------------|--------------------------|-------------------------------------------------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------|
|     |                                |                        |                          |                                                       |                      | So với MNDBT (hồ) hoặc MNTK (trạm bơm) thời điểm ngày cập nhật: 14/9/2018 | Mức nước thời điểm lần trước ngày 12/9/2018 | Chênh lệch | Dung tích hiện tại (10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup> ) | Dung tích hiện tại so với dung tích thiết kế (%) |           |
| I   | Huyện Cư Jút                   |                        |                          | 12.110,150                                            |                      |                                                                           |                                             | -          | 10.072,614                                           | 83,17                                            |           |
| 1   | Hồ Đắk Diêr                    | Cư Knia                | 6,40                     | 5.500,600                                             | Tự do                | -0,30                                                                     | -0,90                                       | 0,60       | 5.363,31                                             | 98                                               |           |
| 2   | Hồ Đắk Đrông                   | Đắk Đrông              | 4,00                     | 3.766,700                                             | Cửa van              | -0,95                                                                     | -1,40                                       | 0,45       | 2.894,981                                            | 77                                               |           |
| 3   | Hồ Buôn Buôr                   | Tầm thẳng              | 1,40                     | 298,520                                               | Cửa van              | -1,10                                                                     | -1,20                                       | 0,10       | 289,567                                              | 97                                               |           |
| 4   | Hồ Cư Pu                       | Nam Dong               | 6,50                     | 424,000                                               | Tự do                | -2,10                                                                     | -2,30                                       | 0,20       | 351,818                                              | 83                                               |           |
| 5   | Hồ Tiểu Khu 839                | Đắk Wil                | 3,10                     | 194,250                                               | Tự do                | 0,05                                                                      | 0,00                                        | 0,05       | 194,250                                              | 100                                              |           |
| 6   | Hồ Tiểu Khu 840                | Đắk Wil                | 6,05                     | 614,060                                               | Tự do                | 0,02                                                                      | 0,00                                        | 0,02       | 614,060                                              | 100                                              |           |
| 7   | Hồ Ea Dier                     | Đắk Đrông              | 3,90                     | 392,520                                               | Tự do                | -2,00                                                                     | -2,05                                       | -0,55      | 92,564                                               | 24                                               |           |
| 8   | Hồ Trúc Sơn                    | Trúc Sơn               | 6,70                     | 919,500                                               | Cửa van              | -4,10                                                                     | -4,30                                       | 0,20       | 272,069                                              | 30                                               |           |
| 9   | Trạm bơm Ea Pô                 | Ea Pô                  |                          |                                                       |                      |                                                                           |                                             |            |                                                      |                                                  |           |
| II  | Huyện Krông Nô                 |                        |                          | 22.234,310                                            |                      |                                                                           |                                             | -          | 19.789,210                                           | 89,00                                            |           |
| 1   | Công trình thủy lợi Đắk Rô     | Đắk Đrô                | 18,00                    | 12.230,000                                            | Cửa van              | -4,70                                                                     | -4,90                                       | 0,20       | 10.002,050                                           | 82                                               | Đóng tràn |
| 2   | Hồ Đắk Nang                    | Đắk Nang               | 3,60                     | 3.600,000                                             | Tự do                | 0,90                                                                      | 0,90                                        | -          | 3.600,000                                            | 100                                              |           |
| 3   | Hồ Nam Đà (Đắk Mâm)            | Nam Đà                 | 4,00                     | 3.264,920                                             | Tự do                | 0,20                                                                      | 0,20                                        | -          | 3.264,920                                            | 100                                              |           |
| 4   | Hồ Đắk Hou                     | Nâm N'Dir              | 1,50                     | 456,900                                               | Tự do                | 0,06                                                                      | 0,05                                        | 0,01       | 456,900                                              | 100                                              |           |
| 5   | Hồ Đắk Pok                     | Nâm N'Dir              | 2,50                     | 846,000                                               | Tự do                | -0,40                                                                     | -0,40                                       | -          | 789,600                                              | 93                                               | Đang TC   |
| 6   | Hồ Đắk Mhang                   | Nam Nung               | 2,00                     | 695,000                                               | Tự do                | 0,15                                                                      | 0,12                                        | 0,03       | 695,000                                              | 100                                              |           |
| 7   | Hồ Buôn Rcập                   | Nam Nung               | 5,10                     | 598,520                                               | Tự do                | 0,08                                                                      | 0,08                                        | -          | 598,520                                              | 100                                              |           |
| 8   | Hồ Buôn Dong                   | Quảng Phú              | 3,17                     | 173,870                                               | Tự do                | -1,00                                                                     | -1,00                                       | -          | 136,150                                              | 78                                               |           |
| 9   | Hồ Buôn Lang                   | Quảng Phú              | 7,10                     | 369,100                                               | Tự do                | -1,90                                                                     | -1,90                                       | -          | 246,070                                              | 67                                               |           |
| 10  | Trạm Bơm Đắk Rền               | Nâm N'Dir              |                          |                                                       |                      |                                                                           |                                             | -          |                                                      |                                                  |           |
|     | - Trạm bơm số 1                | Nâm N'Dir              |                          |                                                       |                      | 0,50                                                                      | 0,50                                        | -          |                                                      |                                                  |           |
|     | - Trạm bơm số 1A               | Nâm N'Dir              |                          |                                                       |                      | 0,30                                                                      | 0,30                                        | -          |                                                      |                                                  |           |
|     | - Trạm bơm số 2                | Nâm N'Dir              |                          |                                                       |                      | 0,40                                                                      | 0,40                                        | -          |                                                      |                                                  |           |
|     | - Trạm bơm số 3                | Nâm N'Dir              |                          |                                                       |                      | 0,20                                                                      | 0,20                                        | -          |                                                      |                                                  |           |
|     | - Trạm bơm số 4                | Nâm N'Dir              |                          |                                                       |                      | Kiệt                                                                      | Kiệt                                        |            |                                                      |                                                  |           |
|     | - Trạm bơm số 5                | Nâm N'Dir              |                          |                                                       |                      | Kiệt                                                                      | Kiệt                                        |            |                                                      |                                                  |           |
| 11  | Trạm bơm Buôn Choách           | Buôn Choách            |                          |                                                       |                      | 1,50                                                                      | 1,50                                        | -          |                                                      |                                                  |           |
| 12  | Trạm bơm D12 Buôn Sứk          | Quảng Phú              |                          |                                                       |                      | 1,50                                                                      | 1,50                                        | -          |                                                      |                                                  |           |
| III | Huyện Đắk Mil                  |                        |                          | 20.262,220                                            |                      |                                                                           |                                             | -          | 17.823,357                                           | 87,96                                            |           |
| 1   | Công trình hồ Đắk Săk          | Đức Minh               | 10,00                    | 7.747,500                                             | Tự do                | -0,85                                                                     | -1,03                                       | 0,18       | 6.876,675                                            | 89                                               |           |
| 2   | Hồ Tây                         | TT Đắk Mil             | 3,85                     | 2.830,480                                             | Tự do                | -0,26                                                                     | -0,42                                       | 0,16       | 2.662,299                                            | 94                                               |           |
| 3   | Công trình hồ Vạn Xuân         | TT Đắk Mil             | 3,00                     | 37,500                                                | Tự do                | 2,10                                                                      | 1,87                                        | 0,23       | 21,217                                               | 57                                               |           |
| 4   | Hồ Núi lửa                     | Thuận An               | 4,00                     | 620,000                                               | Tự do                | -2,00                                                                     | -2,05                                       | 0,05       | 225,263                                              | 36                                               |           |
| 5   | Công trình Đập Đắk Puer        | Thuận An               | 4,00                     | 350,000                                               | Cửa van              | -1,10                                                                     | -1,10                                       | -          | 230,100                                              | 66                                               |           |
| 6   | Công trình Đập Đắk Goun thượng | Thuận An               | 5,20                     | 498,000                                               | Cửa van              | -0,55                                                                     | -0,90                                       | 0,35       | 418,990                                              | 84                                               |           |
| 7   | Công trình Đập Yok Lom         | Thuận An               | 6,55                     | 513,960                                               | Tự do                | 0,02                                                                      | 0,02                                        | -          | 513,960                                              | 100                                              |           |
| 8   | Đập Sapa (Hồ đội 3)            | Thuận An               | 2,00                     | 45,000                                                | Tự do                | 0,00                                                                      | 0,00                                        | -          | 45,000                                               | 100                                              |           |
| 9   | Hồ Bu Đắk                      | Thuận An               | 4,00                     | 475,000                                               | Tự do                | 0,00                                                                      | 0,00                                        | -          | 475,000                                              | 100                                              |           |
| 10  | Hồ Nông trường Thuận An        | Thuận An               | 7,00                     | 315,000                                               | Tự do                | -0,10                                                                     | -0,40                                       | 0,30       | 306,064                                              | 97                                               |           |
| 11  | Hồ Lâm trường Thuận An         | Thuận An               | 6,00                     | 285,000                                               | Tự do                | 0,02                                                                      | 0,02                                        | -          | 285,000                                              | 100                                              |           |
| 12  | Hồ Đội 2                       | Thuận An               | 4,80                     | 288,000                                               | Tự do                | 0,10                                                                      | 0,10                                        | -          | 288,000                                              | 100                                              |           |
| 13  | Đập ông Truyền                 | Đức Minh               | 2,00                     | 30,000                                                | Tự do                | -0,43                                                                     | -0,45                                       | 0,02       | 18,487                                               | 62                                               |           |
| 14  | Đập ông Hiến                   | Đức Minh               | 3,00                     | 30,000                                                | Tự do                | 0,02                                                                      | 0,00                                        | 0,02       | 30,000                                               | 100                                              |           |
| 15  | Công trình Đập Jun Juh         | Đức Minh               | 3,40                     | 618,680                                               | Cửa van              | -1,58                                                                     | -1,46                                       | (0,12)     | 225,521                                              | 36                                               |           |
| 16  | Công trình Đắc NDRót           | Đắc N'DRót             | 7,50                     | 220,000                                               | Tự do                | 0,01                                                                      | 0,01                                        | -          | 220,000                                              | 100                                              |           |
| 17  | Công trình Đắc Rla             | Đắc N'DRót             | 4,00                     | 165,000                                               | Tự do                | 0,03                                                                      | 0,03                                        | -          | 165,000                                              | 100                                              |           |
| 18  | Công trình Đắc Goun            | Đắc N'DRót             | 3,70                     | 192,300                                               | Cửa van              | -1,50                                                                     | -1,50                                       | -          | 106,633                                              | 55                                               |           |
| 19  | Công trình hồ Đắk Sai          | Đắc Lao                | 8,00                     | 133,400                                               | Cửa van              | 0,00                                                                      | 0,02                                        | (0,02)     | 133,400                                              | 100                                              |           |
| 20  | Công trình hồ Đắk Mbai         | Đắc Lao                | 4,56                     | 91,600                                                | Cửa van              | -0,97                                                                     | -0,98                                       | 0,01       | 76,462                                               | 83                                               |           |
| 21  | Công trình hồ Đắk Loou         | Đắc Lao                | 8,50                     | 55,000                                                | Tự do                | 0,30                                                                      | 0,30                                        | -          | 55,000                                               | 100                                              |           |
| 22  | Công trình hồ Đắk Ken (6B)     | Đắc Lao                | 3,00                     | 30,000                                                | Tự do                | 0,02                                                                      | 0,02                                        | -          | 30,000                                               | 100                                              |           |
| 23  | Công trình Đô Ry I             | Đắc Rla                | 8,00                     | 283,500                                               | Cửa van              | -1,18                                                                     | -1,18                                       | -          | 219,360                                              | 77                                               |           |
| 24  | Công trình Đô Ry II            | Đắc Rla                | 12,70                    | 1.314,050                                             | Cửa van              | -1,18                                                                     | -1,15                                       | (0,03)     | 1.139,156                                            | 87                                               |           |
| 25  | Công trình Đắc Láp             | Đắc Găn                | 4,00                     | 165,000                                               | Tự do                | 0,03                                                                      | 0,03                                        | -          | 165,000                                              | 100                                              |           |
| 26  | Hồ Lâm trường Đắc Găn          | Đắc Găn                | 4,00                     | 61,250                                                | Tự do                | 0,01                                                                      | 0,01                                        | -          | 61,250                                               | 100                                              |           |
| 27  | Thọ Hoàng                      | Đắc Săk                | 4,80                     | 10,000                                                | Tự do                | 0,05                                                                      | 0,05                                        | -          | 10,000                                               | 100                                              |           |
| 28  | Hồ E29                         | Đắc Săk                | 2,00                     | 720,000                                               | Tự do                | 0,03                                                                      | 0,03                                        | -          | 720,000                                              | 100                                              |           |
| 29  | Công trình thủy lợi Mạnh Tiến  | Đức Mạnh               | 2,50                     | 50,000                                                | Cửa van              | -1,20                                                                     | -1,20                                       | -          | 13,520                                               | 27                                               |           |
| 30  | Hồ Thác Hôn                    | Đức Mạnh               | 10,00                    | 1.275,000                                             | Tự do                | 0,03                                                                      | 0,03                                        | -          | 1.275,000                                            | 100                                              |           |
| 31  | Hồ Đội 1                       | Đắc Lao                |                          | 600,000                                               | Tự do                | 0,20                                                                      | 0,20                                        | -          | 600,000                                              | 100                                              |           |
| 32  | Hồ Đội 35                      | Đắc Lao                |                          | 110,000                                               | Tự do                | 0,37                                                                      | 0,30                                        | 0,07       | 110,000                                              | 100                                              |           |
| 33  | Hồ Đội 40                      | Đắc Lao                |                          | 102,000                                               | Tự do                | 0,10                                                                      | 0,05                                        | 0,05       | 102,000                                              | 100                                              |           |
| IV  | Huyện Đắk Song                 |                        |                          | 9.075,530                                             |                      |                                                                           |                                             | -          | 8.912,321                                            | 98,20                                            |           |
| 1   | Hồ Sinh Muổng                  | Thuận Hạnh             | 3,00                     | 1.431,000                                             | Tự do                | 0,03                                                                      | 0,03                                        | -          | 1.431,000                                            | 100                                              |           |
| 2   | Hồ Đắc Kuăl                    | Đắc N'run              | 7,77                     | 1.230,700                                             | Cửa van              | 0,13                                                                      | 0,13                                        | -          | 1.230,700                                            | 100                                              |           |
| 3   | Hồ Cư Prông                    | Đắc Mol                | 5,00                     | 115,000                                               | Trần giếng           | -1,60                                                                     | -1,60                                       | -          | 78,922                                               | 69                                               |           |
| 4   | Hồ Đắc Mol                     | Đắc Mol                | 4,50                     | 759,000                                               | Tự do                | 0,17                                                                      | 0,17                                        | -          | 759,000                                              | 100                                              |           |
| 5   | Hồ Đắc Mruổng                  | TT Đức An              | 5,70                     | 321,500                                               | Trần giếng           | 0,06                                                                      | 0,06                                        | -          | 321,500                                              | 100                                              |           |
| 6   | Hồ Suối Đà                     | Đắc N'DRung            | 4,50                     | 252,000                                               | Tự do                | 0,08                                                                      | 0,08                                        | -          | 252,000                                              | 100                                              |           |
| 7   | Hồ Thôn 7 (Bu Bong)            | Đắc N'DRung            | 3,20                     | 114,000                                               | Tự do                | 0,29                                                                      | 0,29                                        | -          | 114,000                                              | 100                                              |           |
| 8   | Hồ Đắc Mruong                  | Thuận Hạnh             | 2,70                     | 479,950                                               | Tự do                | 0,13                                                                      | 0,13                                        | -          | 479,950                                              | 100                                              |           |
| 9   | Hồ Thôn 2 (Trường Xuân)        | Trường Xuân            | 4,70                     | 455,900                                               | Trần giếng           | 0,10                                                                      | 0,10                                        | -          | 455,900                                              | 100                                              |           |

| TT                 | Công trình/ Khu tưới    | Địa điểm xây dựng (xã) | Cột nước hữu ích Hhd (m) | Dung tích toàn phần (10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup> ) | Hình thức tràn xả lũ | Mức nước (m)                                                              |                                             |            | Dung tích                                            |                                                  | Ghi chú |
|--------------------|-------------------------|------------------------|--------------------------|-------------------------------------------------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|---------|
|                    |                         |                        |                          |                                                       |                      | So với MNDBT (hồ) hoặc MNTK (trạm bơm) thời điểm ngày cập nhật: 14/9/2018 | Mức nước thời điểm lần trước ngày 12/9/2018 | Chênh lệch | Dung tích hiện tại (10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup> ) | Dung tích hiện tại so với dung tích thiết kế (%) |         |
| 10                 | Hồ Đắc RLon             | TT Đức An              | 8,80                     | 907,670                                               | Cửa van              | 0,16                                                                      | 0,16                                        | -          | 907,670                                              | 100                                              |         |
| 11                 | CTTL Đắc Lép            | Nâm N'Jang             | 7,00                     | 641,800                                               | Tự do                | 0,02                                                                      | 0,04                                        | (0,02)     | 641,800                                              | 100                                              |         |
| 12                 | Thủy lợi Nâm N'Jang     | Nâm N'Jang             | 4,40                     | 563,950                                               | Cửa van              | 0,05                                                                      | 0,05                                        | -          | 563,950                                              | 100                                              |         |
| 13                 | Hồ Đắc Pông Bê          | Đắc N'DRung            | 6,80                     | 748,800                                               | Tự do                | 0,15                                                                      | 0,15                                        | -          | 748,800                                              | 100                                              |         |
| 14                 | Hồ Thôn 5               | Đắc N'DRung            | 3,20                     | 135,000                                               | Cửa van              | 0,22                                                                      | 0,22                                        | -          | 135,000                                              | 100                                              |         |
| 15                 | Hồ Thôn 2               | Đắc N'DRung            | 4,20                     | 145,000                                               | Tự do                | 0,35                                                                      | 0,35                                        | -          | 145,000                                              | 100                                              |         |
| 16                 | Hồ Thuận Tân            | Thuận Hạnh             | 6,00                     | 262,000                                               | Tự do                | 0,04                                                                      | 0,04                                        | -          | 262,000                                              | 100                                              |         |
| 17                 | Hồ Thuận Thành          | Thuận Hạnh             | 8,70                     | 742,600                                               | Cửa van              | -2,00                                                                     | -2,00                                       | -          | 579,391                                              | 78                                               |         |
| 18                 | Hồ Thôn 3               | Trường Xuân            | 5,30                     | 249,500                                               | Tự do                | 0,07                                                                      | 0,07                                        | -          | 249,500                                              | 100                                              |         |
| 19                 | Đập Đắc Nhai            | Trường Xuân            | 8,01                     | 1.064,700                                             | Tự do                | 0,07                                                                      | 0,07                                        | -          | 1.064,700                                            | 100                                              |         |
| 20                 | CTTL Đắc Cai            | Trường Xuân            | 3,90                     | 273,500                                               | Tự do                | 0,05                                                                      | 0,05                                        | -          | 273,500                                              | 100                                              |         |
| 21                 | Hồ Đắc Toa              | Thuận Hà               | 5,00                     | 1.717,660                                             | Tự do                | 0,07                                                                      | 0,08                                        | (0,01)     | 1.717,660                                            | 100                                              |         |
| V Thị xã Gia Nghĩa |                         |                        |                          | 7.091,090                                             |                      |                                                                           |                                             |            | 7.091,090                                            | 100,00                                           |         |
| 1                  | Hồ Nam Đa               | Đắc Nia                | 8,20                     | 1.082,400                                             | Tự do                | 0,10                                                                      | 0,08                                        | 0,02       | 1.082,400                                            | 100                                              |         |
| 2                  | Hồ Chế Biển             | Đắc Nia                | 4,00                     | 689,800                                               | Tự do                | 0,40                                                                      | 0,40                                        | -          | 689,800                                              | 100                                              |         |
| 3                  | Hồ Fai Kol Poul Đẳng    | Đắc Nia                | 5,40                     | 230,000                                               | Tự do                | 0,08                                                                      | 0,08                                        | -          | 230,000                                              | 100                                              |         |
| 4                  | Hồ Đắc Noh (Đắc Đô)     | Đắc Nia                | 4,70                     | 426,600                                               | Tự do                | 0,10                                                                      | 0,10                                        | -          | 426,600                                              | 100                                              |         |
| 5                  | Hồ Đắc Cút              | Đắc Nia                | 7,41                     | 790,100                                               | Tự do                | 0,03                                                                      | 0,03                                        | -          | 790,100                                              | 100                                              |         |
| 6                  | Hồ Thôn 2B              | Đắc Nia                | 6,00                     | 355,690                                               | Tự do                | 0,05                                                                      | 0,02                                        | 0,03       | 355,690                                              | 100                                              |         |
| 7                  | Hồ Đắc Rial             | Đắc Nia                | 8,40                     | 306,190                                               | Tự do                | 0,05                                                                      | 0,05                                        | -          | 306,190                                              | 100                                              |         |
| 8                  | Hồ Rẫy Mới              | Quảng Thành            | 3,00                     | 574,500                                               | Tự do                | 0,05                                                                      | 0,05                                        | -          | 574,500                                              | 100                                              |         |
| 9                  | Hồ Tân Hiệp 1           | Đắc R'moan             | 5,50                     | 772,160                                               | Tự do                | 0,05                                                                      | 0,03                                        | 0,02       | 772,160                                              | 100                                              |         |
| 10                 | Hồ Thủy lợi Nghĩa Phú   | Nghĩa Phú              | 5,10                     | 68,900                                                | Tự do                | 0,03                                                                      | 0,03                                        | -          | 68,900                                               | 100                                              |         |
| 11                 | Hồ Sinh Ba              | Nghĩa Trung            | 3,10                     | 603,750                                               | Cửa van              | 0,30                                                                      | 0,30                                        | -          | 603,750                                              | 100                                              |         |
| 12                 | Hồ Tô 5                 | Nghĩa Trung            | 4,00                     | 300,000                                               | Tự do                | 0,10                                                                      | 0,10                                        | -          | 300,000                                              | 100                                              |         |
| 13                 | Hồ Tô 6                 | Nghĩa Trung            | 4,50                     | 286,000                                               | Tự do                | 0,07                                                                      | 0,07                                        | -          | 286,000                                              | 100                                              |         |
| 14                 | Hồ Đắc Nút              | Nghĩa Đức              | 4,95                     | 605,000                                               | Tự do                | 0,10                                                                      | 0,10                                        | -          | 605,000                                              | 100                                              |         |
| VI Huyện Đắc GLong |                         |                        |                          | 11.656,600                                            |                      |                                                                           |                                             | -          | 11.632,000                                           | 99,79                                            |         |
| 1                  | Hồ Thủy Điện            | Quảng Sơn              | 3,50                     | 1.200,000                                             | Tự do                | 0,51                                                                      | 0,51                                        | -          | 1.200,000                                            | 100                                              |         |
| 2                  | Hồ Công ty 847          | Quảng Sơn              | 4,00                     | 1.098,450                                             | Tự do                | 0,23                                                                      | 0,22                                        | 0,01       | 1.098,450                                            | 100                                              |         |
| 3                  | Hồ Đèo 52(Hồ 831)       | Quảng Sơn              | 6,50                     | 240,000                                               | Tự do                | 0,00                                                                      | -0,90                                       | 0,90       | 240,000                                              | 100                                              |         |
| 4                  | Hồ Đắc Snao 1(Hồ 882A)  | Quảng Sơn              | 3,00                     | 560,250                                               | Tự do                | 0,03                                                                      | 0,02                                        | 0,01       | 560,250                                              | 100                                              |         |
| 5                  | Hồ Đắc Snao 2(Hồ 882B)  | Quảng Sơn              | 7,90                     | 145,000                                               | Tự do                | 0,03                                                                      | 0,02                                        | 0,01       | 145,000                                              | 100                                              |         |
| 6                  | Hồ Đắc Snao 3           | Quảng Sơn              | 3,50                     | 620,520                                               | Tự do                | 0,07                                                                      | 0,05                                        | 0,02       | 620,520                                              | 100                                              |         |
| 7                  | Hồ Thôn 3B Bon Sa Nar   | Quảng Sơn              | 8,06                     | 625,500                                               | Tự do                | 0,06                                                                      | 0,06                                        | -          | 625,500                                              | 100                                              |         |
| 8                  | Thủy lợi Đắc Nder 2     | Quảng Sơn              | 3,80                     | 456,030                                               | Tự do                | 0,16                                                                      | 0,16                                        | -          | 456,030                                              | 100                                              |         |
| 9                  | Hồ Km41                 | Quảng Sơn              | 2,50                     | 370,000                                               | Tự do                | 0,02                                                                      | 0,20                                        | (0,18)     | 370,000                                              | 100                                              |         |
| 10                 | Hồ Ba Trong             | Quảng Sơn              | 2,00                     | 260,000                                               | Tự do                | 0,26                                                                      | 0,25                                        | 0,01       | 260,000                                              | 100                                              |         |
| 11                 | Hồ Đắc Hlang            | Quảng Khê              | 7,70                     | 524,170                                               | Tự do                | 0,02                                                                      | 0,02                                        | -          | 524,170                                              | 100                                              |         |
| 12                 | Hồ Trường Học           | Quảng Khê              | 2,50                     | 190,000                                               | Tự do                | 0,22                                                                      | 0,22                                        | -          | 190,000                                              | 100                                              |         |
| 13                 | Nao Ma A                | Quảng Khê              | 9,60                     | 568,800                                               | Tự do                | 0,03                                                                      | 0,02                                        | 0,01       | 568,800                                              | 100                                              |         |
| 14                 | Hồ Thôn 2 (Nao Kon Dơi) | Quảng Khê              | 2,17                     | 410,300                                               | Tự do                | 0,03                                                                      | 0,03                                        | -          | 410,300                                              | 100                                              |         |
| 15                 | Hồ Thôn 4               | Quảng Khê              | 8,50                     | 356,320                                               | Tự do                | 0,02                                                                      | 0,02                                        | -          | 356,320                                              | 100                                              |         |
| 16                 | Hồ Đắc Srê              | Quảng Khê              | 4,30                     | 732,900                                               | Tự do                | 0,20                                                                      | 0,20                                        | -          | 732,900                                              | 100                                              |         |
| 17                 | Hồ Thôn 3               | Quảng Khê              | 2,00                     | 350,000                                               | Tự do                | 0,02                                                                      | 0,03                                        | (0,01)     | 350,000                                              | 100                                              |         |
| 18                 | CTTL N'Jer              | Quảng Khê              | 8,27                     |                                                       | Tự do                | 0,03                                                                      | 0,03                                        | -          |                                                      |                                                  |         |
| 19                 | Hồ Bās Rai              | Quảng Khê              | 3,50                     |                                                       | Tự do                | 0,04                                                                      | 0,05                                        | (0,01)     |                                                      |                                                  |         |
| 20                 | Hồ Bi Zê Rê             | Đắc Som                | 8,00                     | 332,700                                               | Tự do                | 0,03                                                                      | 0,03                                        | -          | 332,700                                              | 100                                              |         |
| 21                 | Hồ BĐong                | Đắc Som                | 2,50                     | 400,000                                               | Tự do                | 0,05                                                                      | 0,04                                        | 0,01       | 400,000                                              | 100                                              |         |
| 22                 | Thủy lợi Thôn 5         | Đắc Som                | 8,40                     | 241,400                                               | Tự do                | -0,60                                                                     | -0,60                                       | -          | 216,800                                              | 90                                               |         |
| 23                 | Hồ Chum Ia              | Đắc Som                | 3,00                     |                                                       | Tự do                | 0,07                                                                      | 0,07                                        | -          |                                                      |                                                  |         |
| 24                 | Hồ Thôn 1               | Đắc Ha                 | 7,80                     | 84,000                                                | Tự do                | 0,01                                                                      | 0,01                                        | -          | 84,000                                               | 100                                              |         |
| 25                 | Hồ Đắc Bông             | Đắc Ha                 | 8,10                     | 165,120                                               | Tự do                | 0,02                                                                      | 0,02                                        | -          | 165,120                                              | 100                                              |         |
| 26                 | Hồ Đắc Ha               | Đắc Ha                 | 8,00                     | 691,000                                               | Tự do                | 0,02                                                                      | 0,02                                        | -          | 691,000                                              | 100                                              |         |
| 27                 | Hồ Đắc R'Tiêng          | Đắc Ha                 | 8,30                     | 169,340                                               | Tự do                | 0,03                                                                      | 0,03                                        | -          | 169,340                                              | 100                                              |         |
| 28                 | Hồ Trảng Ba             | Đắc Ha                 | 4,50                     | 270,000                                               | Tự do                | 0,03                                                                      | 0,02                                        | 0,01       | 270,000                                              | 100                                              |         |
| 29                 | Hồ Đắc Snao             | Đắc R'măng             | 2,90                     | 594,800                                               | Tự do                | 0,08                                                                      | 0,06                                        | 0,02       | 594,800                                              | 100                                              |         |
| 30                 | Hồ Dạ Hang Lang         | Đắc R'măng             | 3,50                     |                                                       | Tự do                | 0,08                                                                      | 0,05                                        | 0,03       |                                                      |                                                  |         |
| VII Huyện Đắc RLấp |                         |                        |                          | 27.037,690                                            |                      |                                                                           |                                             | -          | 26.700,725                                           | 98,75                                            |         |
| 1                  | Hồ Đắc RTang            | Kiến Thành             | 4,00                     | 1.340,000                                             | Tự do                | 0,35                                                                      | 0,35                                        | -          | 1.340,000                                            | 100                                              |         |
| 2                  | Hồ Thôn 2 (Đắc Sin)     | Đắc Sin                | 3,80                     | 1.213,250                                             | Cửa van              | -0,80                                                                     | -0,80                                       | -          | 1.118,689                                            | 92                                               |         |
| 3                  | Hồ Cầu Tư               | Nghĩa Thắng            | 14,00                    | 8.090,000                                             | Tự do                | 0,25                                                                      | 0,25                                        | -          | 8.090,000                                            | 100                                              |         |
| 4                  | Hồ Nhân Cơ              | Nhân Cơ                | 4,50                     | 452,000                                               | Cửa van              | -0,60                                                                     | -0,60                                       | -          | 411,391                                              | 91                                               |         |
| 5                  | Đập Quảng Lộc           | Đạo Nghĩa              | 9,10                     | 1.103,000                                             | Tự do                | 0,03                                                                      | 0,03                                        | -          | 1.103,000                                            | 100                                              |         |
| 6                  | Hồ Đắc Cón              | Đạo Nghĩa              | 4,80                     | 773,810                                               | Tự do                | 0,10                                                                      | 0,10                                        | -          | 773,810                                              | 100                                              |         |
| 7                  | Hồ Đắc Sinh (Hồ thôn 5) | Đắc Sin                | 3,50                     | 1.164,440                                             | Tự do                | 0,30                                                                      | 0,30                                        | -          | 1.164,440                                            | 100                                              |         |
| 8                  | Thủy lợi Bàu Muối       | Nhân Đạo               | 4,84                     | 938,900                                               | Tự do                | 0,20                                                                      | 0,20                                        | -          | 938,900                                              | 100                                              |         |
| 9                  | Hồ Đắc Nêr              | Nhân Đạo               | 6,10                     | 1.000,700                                             | Tự do                | 0,20                                                                      | 0,20                                        | -          | 1.000,700                                            | 100                                              |         |
| 10                 | Hồ Thôn 11              | Nhân Cơ                | 6,50                     | 461,300                                               | Tự do                | 0,20                                                                      | 0,20                                        | -          | 461,300                                              | 100                                              |         |
| 11                 | Hồ Số 3                 | Nhân Cơ                | 5,40                     | 183,600                                               | Tự do                |                                                                           |                                             | -          |                                                      | 0                                                |         |
| 12                 | Hồ Thôn 12              | Nhân Cơ                | 6,50                     | 403,030                                               | Tự do                | 0,10                                                                      | 0,10                                        | -          | 403,030                                              | 100                                              |         |
| 13                 | Hồ Thôn 5               | Đắc Sin                | 4,80                     | 702,070                                               | Tự do                | 0,20                                                                      | 0,20                                        | -          | 702,070                                              | 100                                              |         |
| 14                 | Đập Thôn 5              | Đắc Sin                | 6,90                     | 745,000                                               | Tự do                | 0,20                                                                      | 0,20                                        | -          | 745,000                                              | 100                                              |         |
| 15                 | Hồ Đắc Sin              | Đắc Sin                | 3,40                     | 686,060                                               | Tự do                | 0,10                                                                      | 0,10                                        | -          | 686,060                                              | 100                                              |         |
| 16                 | Hồ Đắc Blao             | TT Kiến Đức            | 4,00                     | 264,480                                               | Tự do                | 0,10                                                                      | 0,10                                        | -          | 264,480                                              | 100                                              |         |
| 17                 | Thủy lợi Đa Dung        | TT Kiến Đức            | 8,60                     | 289,400                                               | Tự do                | 0,05                                                                      | 0,05                                        | -          | 289,400                                              | 100                                              |         |
| 18                 | Hồ Đắc RMur             | Nhân Đạo               | 6,90                     | 764,350                                               | Tự do                | 0,25                                                                      | 0,25                                        | -          | 764,350                                              | 100                                              |         |
| 19                 | Hồ Đắc Rsung            | Nhân Đạo               | 5,40                     | 494,000                                               | Tự do                | 0,15                                                                      | 0,15                                        | -          | 494,000                                              | 100                                              |         |
| 20                 | Hồ Bon Pi Nao           | Nhân Đạo               | 6,77                     | 916,700                                               | Tự do                | 0,20                                                                      | 0,20                                        | -          | 916,700                                              | 100                                              |         |
| 21                 | Hồ Sa Đa Co             | Quảng Tín              | 6,00                     | 350,000                                               | Tự do                | 0,35                                                                      | 0,35                                        | -          | 350,000                                              | 100                                              |         |

| TT                        | Công trình/ Khu tưới   | Địa điểm xây dựng (xã) | Cột nước hữu ích Hhd (m) | Dung tích toàn phần (10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup> ) | Hình thức tràn xả lũ | Mức nước (m)                                                              |                                             |            | Dung tích                                            |                                                  | Ghi chú |
|---------------------------|------------------------|------------------------|--------------------------|-------------------------------------------------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|---------|
|                           |                        |                        |                          |                                                       |                      | So với MNDBT (hồ) hoặc MNTK (trạm bơm) thời điểm ngày cập nhật: 14/9/2018 | Mức nước thời điểm lần trước ngày 12/9/2018 | Chênh lệch | Dung tích hiện tại (10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup> ) | Dung tích hiện tại so với dung tích thiết kế (%) |         |
| 22                        | Hồ Thôn 9 Quảng Tín    | Quảng Tín              | 6,60                     | 517,000                                               | Tự do                | 0,15                                                                      | 0,15                                        | -          | 517,000                                              | 100                                              |         |
| 23                        | Thủy lợi Đắk Xá        | Quảng Tín              | 4,10                     | 408,100                                               | Tự do                | 0,20                                                                      | 0,20                                        | -          | 408,100                                              | 100                                              |         |
| 24                        | Hồ Đắk Ru I            | Đắk Ru                 | 3,20                     | 422,000                                               | Tự do                | 0,10                                                                      | 0,10                                        | -          | 422,000                                              | 100                                              |         |
| 25                        | Hồ Đắk Ru II           | Đắk Ru                 | 6,00                     | 458,900                                               | Tự do                | 0,20                                                                      | 0,20                                        | -          | 458,900                                              | 100                                              |         |
| 26                        | Hồ Đắk Tát             | Hưng Bình              | 5,00                     | 544,000                                               | Tự do                | 0,20                                                                      | 0,20                                        | -          | 538,988                                              | 99                                               |         |
| 27                        | Đập thôn 8 Đắk Sin     | Hưng Bình              | 4,30                     | 418,100                                               | Cửa van              | -0,80                                                                     | -0,80                                       | -          | 418,100                                              | 100                                              |         |
| 28                        | Hồ Thôn 9 (Kiến Thành) | Kiến Thành             | 6,60                     | 610,300                                               | Tự do                | 0,05                                                                      | 0,05                                        | -          | 610,300                                              | 100                                              |         |
| 29                        | Hồ Thôn 2              | Quảng Tín              | 4,00                     | 120,000                                               | Tự do                | 0,15                                                                      | 0,15                                        | -          | 120,000                                              | 100                                              |         |
| 30                        | Hồ Bon Bu Ja Rá        | Nghĩa Thắng            | 5,40                     | 494,000                                               | Tự do                | 0,30                                                                      | 0,30                                        | -          | 494,000                                              | 100                                              |         |
| 31                        | Hồ Đắk Krung           | Đắk Wer                | 1,70                     | 532,000                                               | Tự do                | 0,30                                                                      | 0,30                                        | -          | 532,000                                              | 100                                              |         |
| 32                        | Đập Đắk Jeng Tung      | Kiến Thành             | 5,50                     | 177,200                                               | Cửa van              | -0,80                                                                     | -0,80                                       | -          | 164,02                                               | 93                                               |         |
| <b>VIII Huyện Tuy Đức</b> |                        |                        | -                        | <b>13.566,020</b>                                     |                      |                                                                           |                                             | -          | <b>13.566,020</b>                                    | <b>100,00</b>                                    |         |
| 1                         | Hồ Đắk R'Tih           | Đắk R'Tih              | 6,00                     | 2.224,000                                             | Tự do                | 0,16                                                                      | 0,16                                        | -          | 2.224,000                                            | 100                                              |         |
| 2                         | Hồ Đắk Buk So          | Đắk Buk Sor            | 3,53                     | 1.081,000                                             | Tự do                | 0,23                                                                      | 0,22                                        | 0,01       | 1.081,000                                            | 100                                              |         |
| 3                         | Hồ Đắk Ría             | Đắk R'Tih              | 3,60                     | 1.049,000                                             | Tự do                | 0,07                                                                      | 0,07                                        | -          | 1.049,000                                            | 100                                              |         |
| 4                         | Hồ Đắk Ké              | Quảng Trục             | 4,70                     | 313,300                                               | Tự do                | 0,08                                                                      | 0,08                                        | -          | 313,300                                              | 100                                              |         |
| 5                         | Hồ Đắk Huýt            | Quảng Trục             | 8,40                     | 390,000                                               | Tự do                | 0,08                                                                      | 0,08                                        | -          | 390,000                                              | 100                                              |         |
| 6                         | Hồ Đắk Bliêng          | Đắk R'Tih              | 3,20                     | 709,000                                               | Cửa van              | 0,18                                                                      | 0,18                                        | -          | 709,000                                              | 100                                              |         |
| 7                         | Đập Bon Đắk Bu Lum     | Quảng Trục             | 5,50                     | 138,470                                               | Tự do                | 0,12                                                                      | 0,12                                        | -          | 138,470                                              | 100                                              |         |
| 8                         | Hồ Đắk Ké 2            | Quảng Trục             | 6,90                     | 403,700                                               | Tự do                | 0,08                                                                      | 0,08                                        | -          | 403,700                                              | 100                                              |         |
| 9                         | Hồ Thôn 2 (Pu Prăng)   | Quảng Trục             | 5,00                     | 107,900                                               | Tự do                | 0,12                                                                      | 0,12                                        | -          | 107,900                                              | 100                                              |         |
| 10                        | Hồ Doãn Văn            | Đắk R'Tih              | 3,90                     | 728,400                                               | Tự do                | 0,18                                                                      | 0,18                                        | -          | 728,400                                              | 100                                              |         |
| 11                        | Đập Đắk Bu Rley        | Đắk R'Tih              | 5,00                     | 115,520                                               | Tự do                | 0,10                                                                      | 0,10                                        | -          | 115,520                                              | 100                                              |         |
| 12                        | Hồ Đắk BLung           | Đắk Buk Sor            | 5,70                     | 562,300                                               | Tự do                | 0,12                                                                      | 0,12                                        | -          | 562,300                                              | 100                                              |         |
| 13                        | Đập Đắk Glun 1         | Đắk Ngo                | 7,13                     | 460,800                                               | Tự do                | 0,19                                                                      | 0,18                                        | 0,01       | 460,800                                              | 100                                              |         |
| 14                        | Đập Đắk Glun 2         | Đắk Ngo                | 8,00                     | 460,800                                               | Tự do                | 0,18                                                                      | 0,17                                        | 0,01       | 460,800                                              | 100                                              |         |
| 15                        | Đập Đắk Glun 3         | Đắk Ngo                | 8,00                     | 562,500                                               | Tự do                | 0,16                                                                      | 0,15                                        | 0,01       | 562,500                                              | 100                                              |         |
| 16                        | Đập Đắk Rma            | Đắk Buk Sor            | 3,90                     | 335,800                                               | Tự do                | 0,18                                                                      | 0,18                                        | -          | 335,800                                              | 100                                              |         |
| 17                        | Đập Đắk Huýt 4         | Quảng Trục             | 4,30                     | 377,830                                               | Tự do                | 0,11                                                                      | 0,11                                        | -          | 377,830                                              | 100                                              |         |
| 18                        | Đập D2                 | Quảng Trục             | 7,00                     | 815,000                                               | Tự do                | 0,12                                                                      | 0,12                                        | -          | 815,000                                              | 100                                              |         |
| 19                        | Hồ Số 1                | Đắk Ngo                | 4,58                     | 650,000                                               | Tự do                | 0,20                                                                      | 0,19                                        | 0,01       | 650,000                                              | 100                                              |         |
| 20                        | Hồ Số 2                | Đắk Ngo                | 48,39                    | 287,000                                               | Tự do                | 0,20                                                                      | 0,20                                        | -          | 287,000                                              | 100                                              |         |
| 21                        | Hồ Số 3                | Đắk Ngo                | 5,06                     | 311,000                                               | Tự do                | 0,19                                                                      | 0,18                                        | 0,01       | 311,000                                              | 100                                              |         |
| 22                        | Hồ Số 4                | Đắk Ngo                | 5,00                     | 252,000                                               | Tự do                | 0,18                                                                      | 0,17                                        | 0,01       | 252,000                                              | 100                                              |         |
| 23                        | Hồ Đắk Tiên Tranh      | Đắk Buk So             | 4,10                     | 1.230,700                                             | Tự do                | 0,08                                                                      | 0,08                                        | -          | 1.230,700                                            | 100                                              |         |
| 170                       | <b>TỔNG CỘNG:</b>      |                        |                          | <b>123.033,610</b>                                    |                      |                                                                           |                                             |            | <b>115.587,337</b>                                   | <b>93,95</b>                                     |         |